CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng điện Vneco 12

Ngày 31/03/2025	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	21.0%	**25.0%**	**23.0%**

DT thuần
Q1/25
4.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.5| -79.6%
YoY: ▼3.04| -40.4%

LN thuần
Q1/25
-0.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.08| -291%
YoY: ▼0.77| -1276%

LN sau thuế
Q1/25
-0.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.75| -1863%
YoY: ▼0.76| -1511%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-4.7%
YoY: +/-▼ 10.8%

ROE (TTM)
Q1/25
-5.4%
YoY: +/-▼ 6.5%

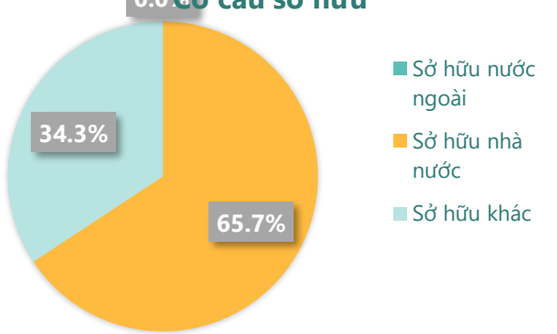
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 8,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9
Số lượng CPLH (CP)	1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(1.05)
EPS	-511
P/E	-14.7

DT thuần
2024
66.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.2| 113%

LN thuần
2024
0.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.42| 109%

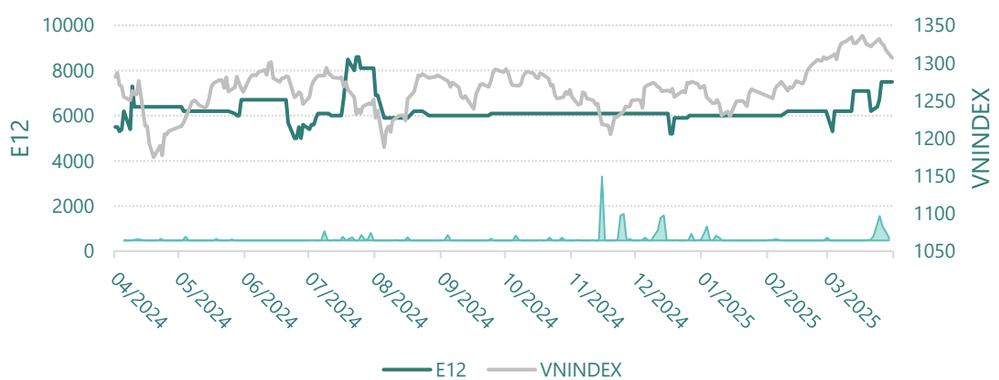
LN sau thuế
2024
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.36| 102%

Cơ cấu sở hữu

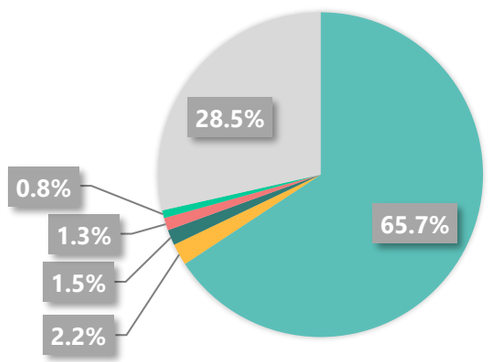


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

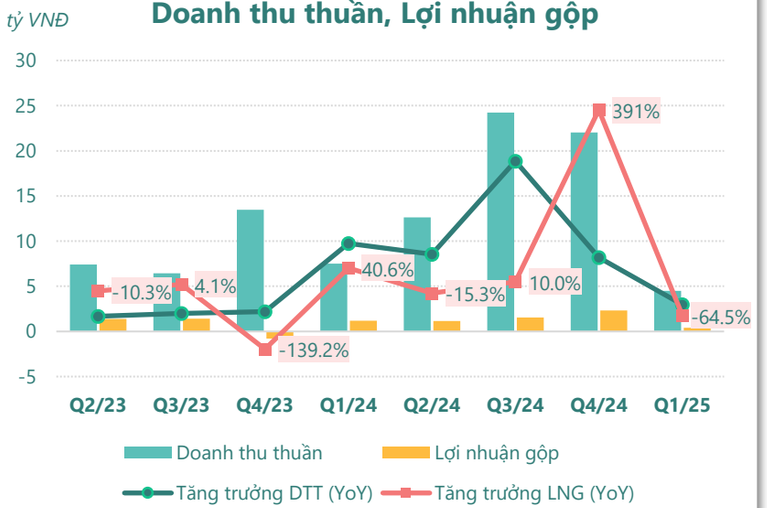


- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- Trương Xuân Phúc (Thành viên HĐQT)
- Hoàng Văn Chu
- Đào Hữu Chuộng
- Hoàng Thị Hồng Nhạn (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

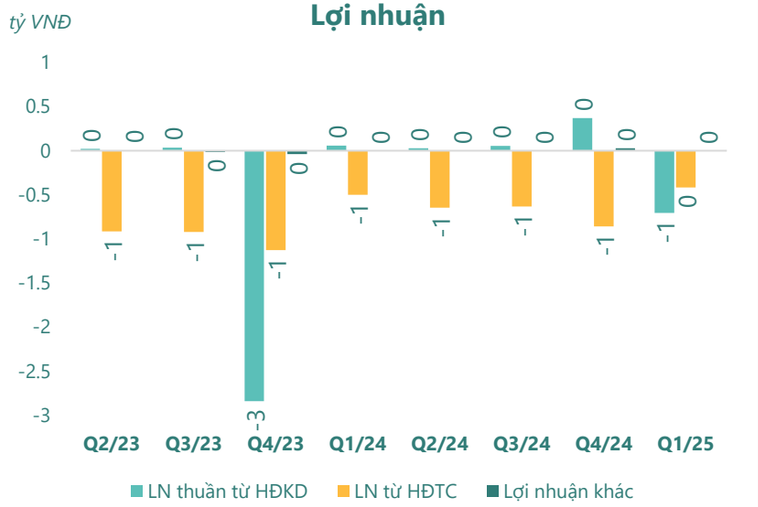
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



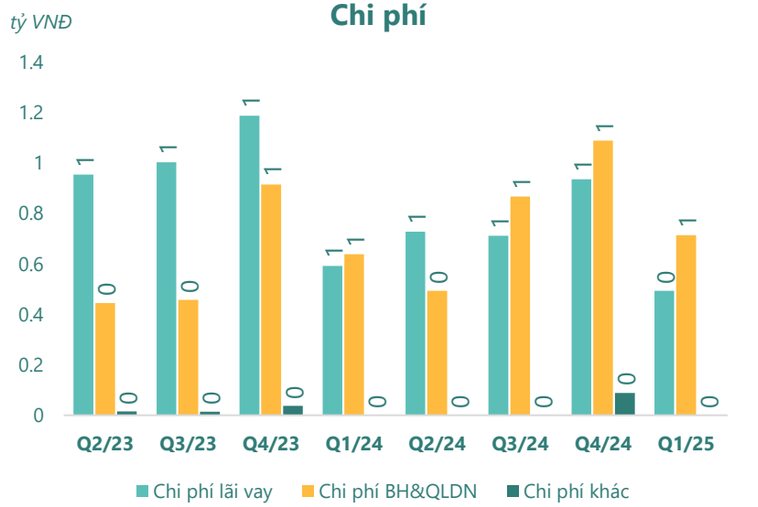
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



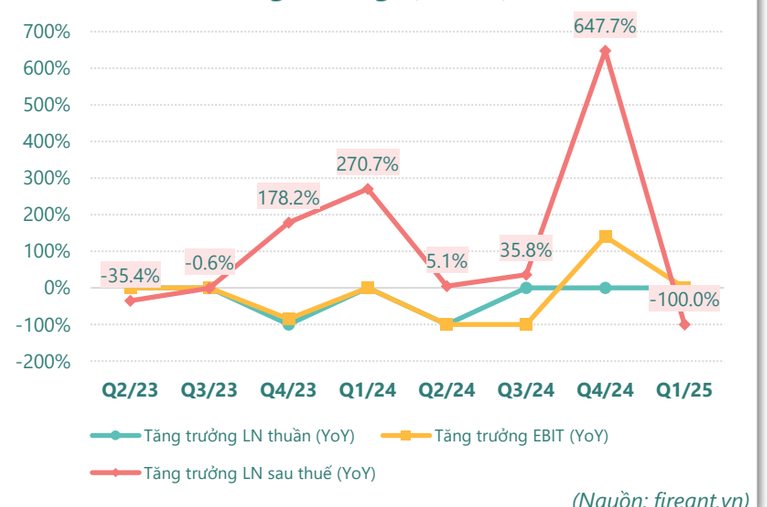
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



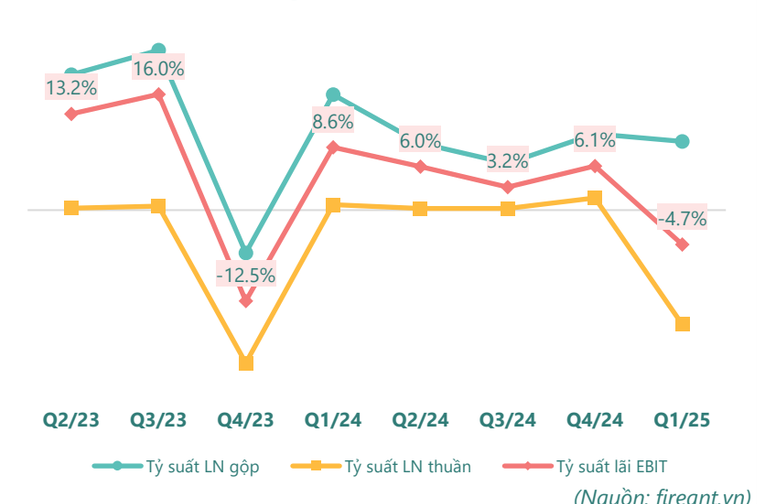
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



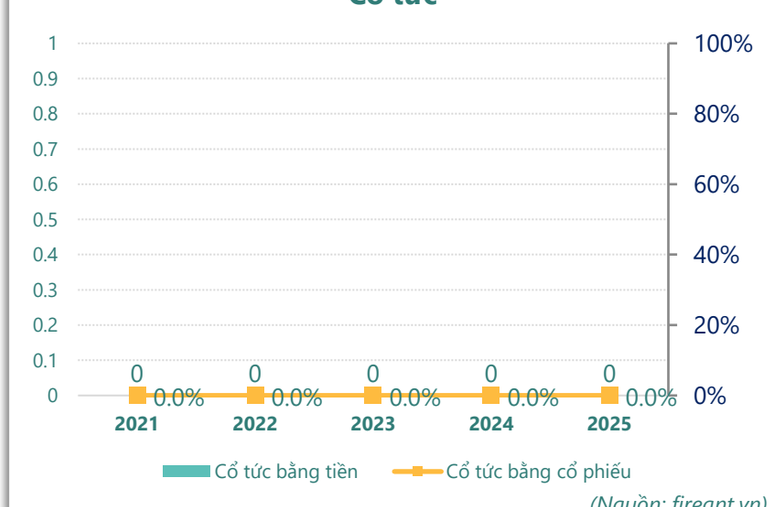
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

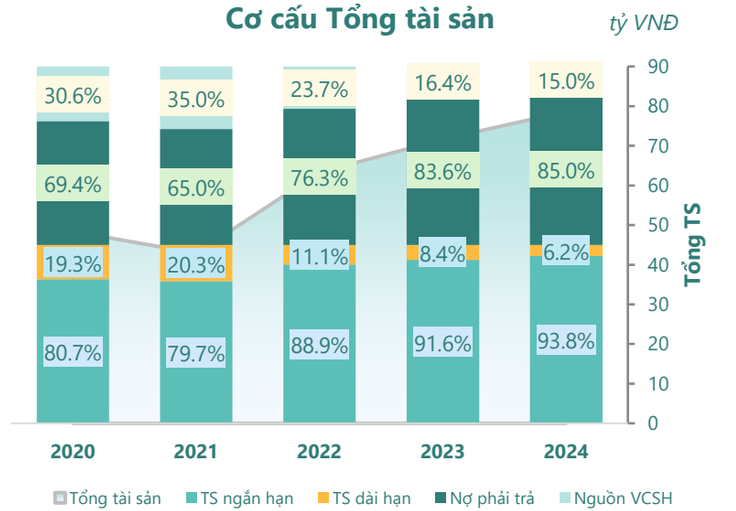
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

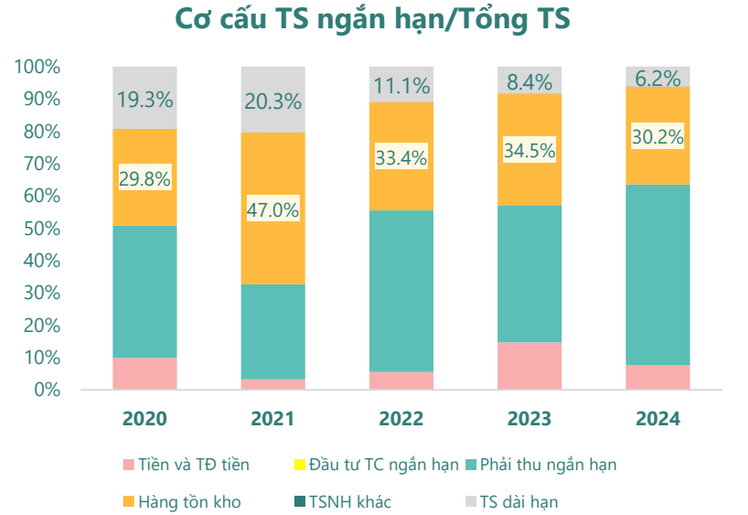
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



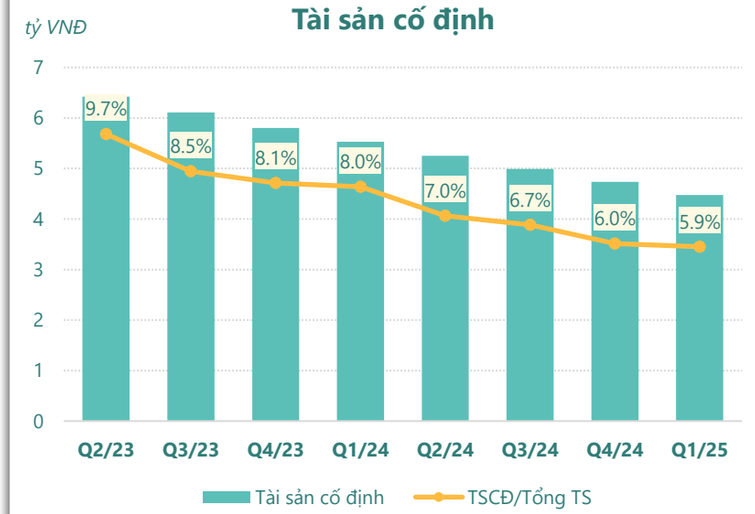
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



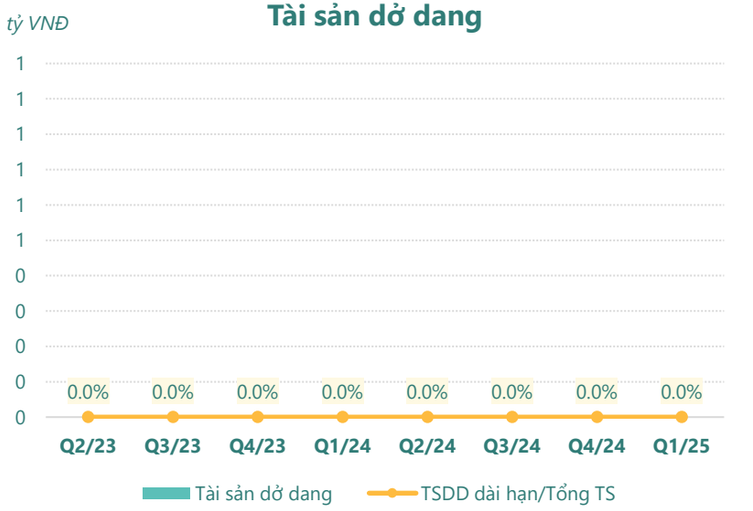
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



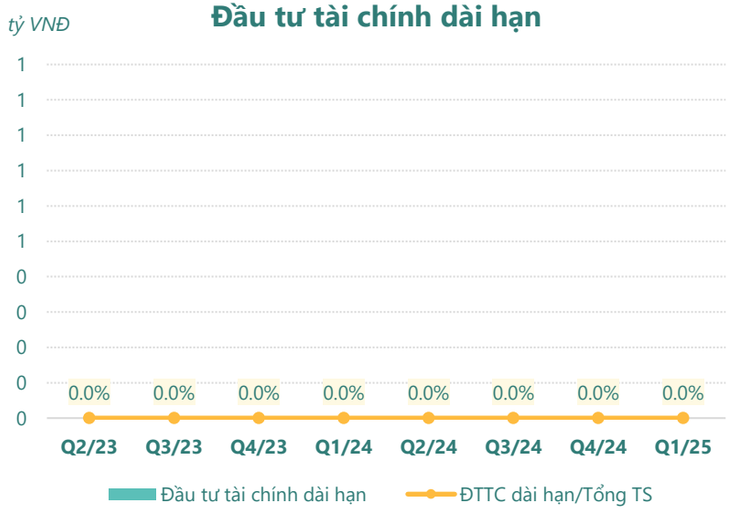
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



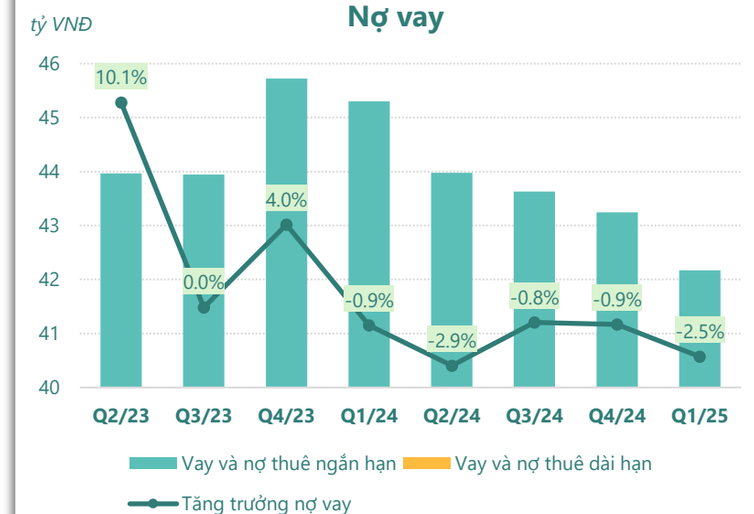
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

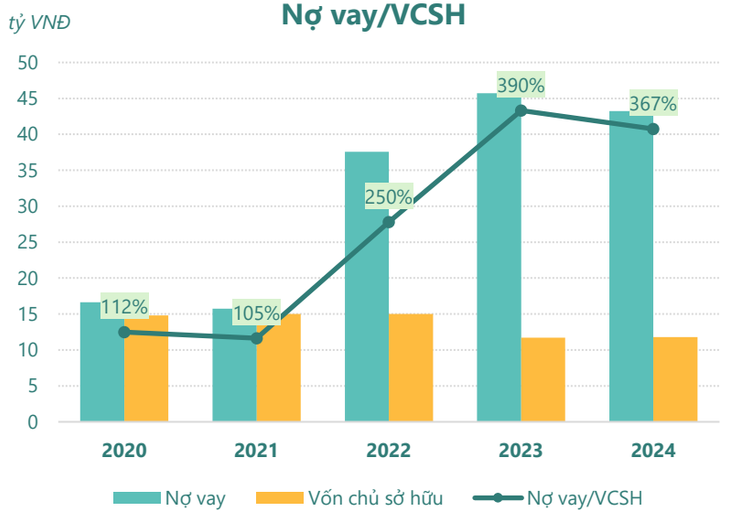
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

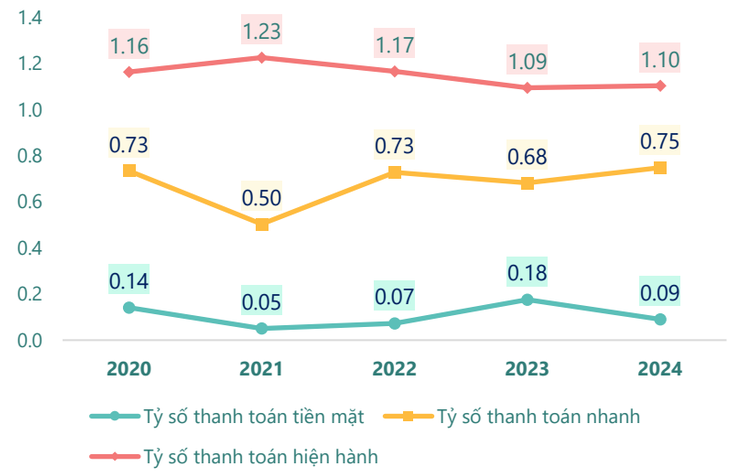
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



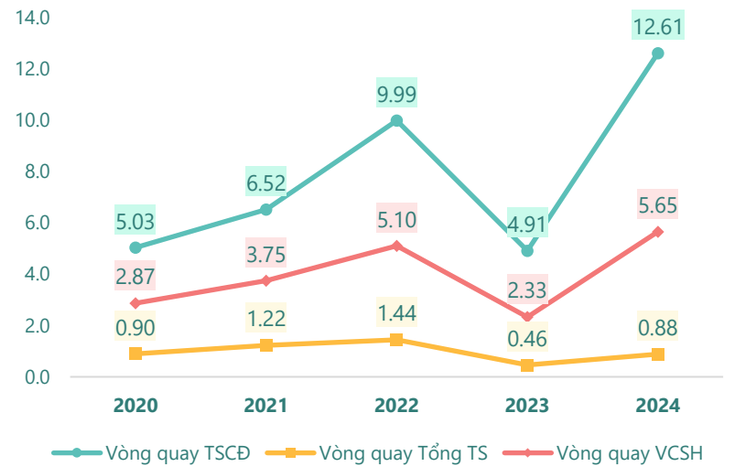
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



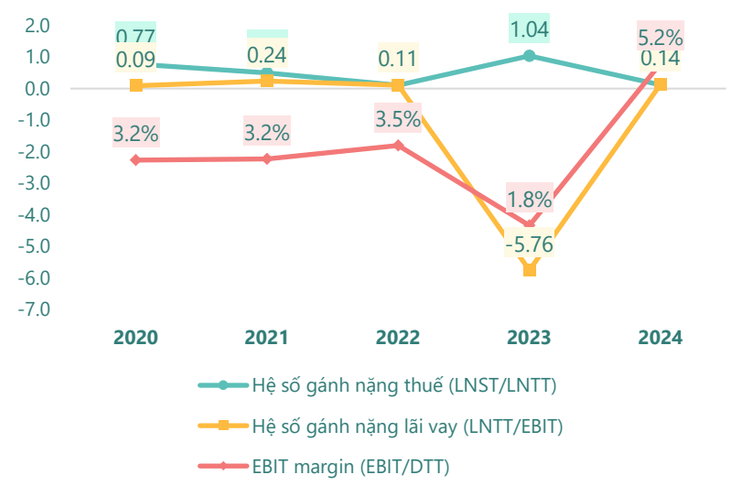
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



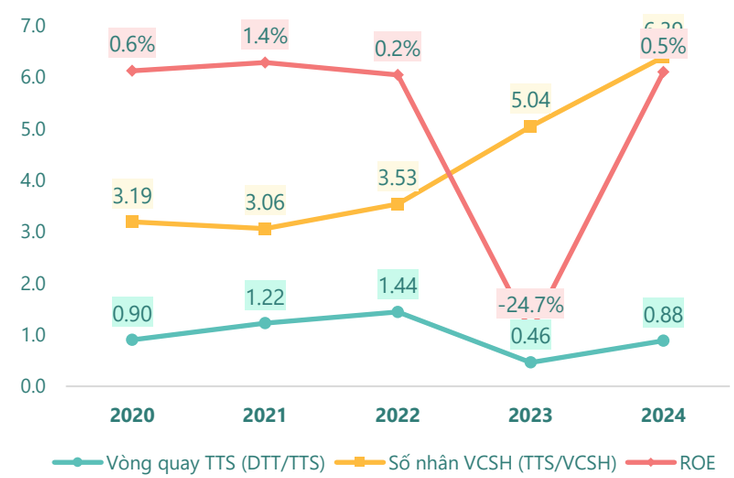
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



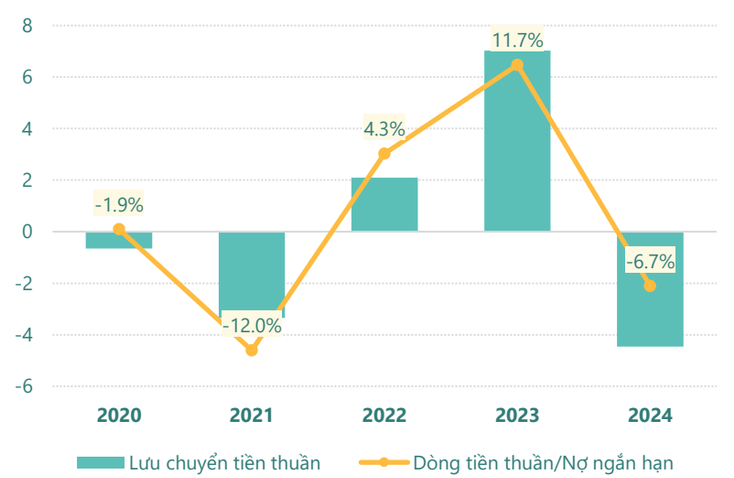
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.48**	**7.52**	**-40.4%**	**66.4**	**31.2**	**113%**
Giá vốn hàng bán	4.05	6.32	-35.8%	60.2	28.3	113%
Lợi nhuận gộp	0.42	1.20	-64.6%	6.24	2.85	119%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.09	-13.0%	0.33	0.24	36.4%
Chi phí TC	0.49	0.59	-16.3%	2.97	3.73	-20.4%
Chi phí lãi vay	0.49	0.59	-16.3%	2.97	3.73	-20.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.16	0.00		0.42	0.32	31.8%
Chi phí QLDN	**0.55**	**0.64**	**-14.1%**	**2.90**	**2.17**	**33.4%**
LN thuần từ HĐKD	-0.71	0.06	-1276%	0.29	-3.13	109%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.19**	**-0.05**	**472%**
LN trước thuế	-0.71	0.06	-1276%	0.48	-3.18	115%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.71**	**0.05**	**-1511%**	**0.06**	**-3.30**	**102%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.71**	**0.05**	**-1511%**	**0.06**	**-3.30**	**102%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	1.40	-1.29	0.07	1.68	1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.17	0.03	0.02	0.20	-0.15	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.78	-0.42	-1.32	-0.35	-0.39	-1.07
Tiền đầu kỳ	8.93	10.5	11.5	8.95	8.87	6.07
Lưu chuyển tiền thuần	**1.60**	**1.01**	**-2.59**	**-0.08**	**1.14**	**0.49**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.5	11.5	8.95	8.87	10.0	6.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**75.7**	**78.7**	**-3.8%**
Tài sản ngắn hạn	71.0	73.8	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	6.56	6.07	8.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	39.1	43.9	-11.1%
Hàng tồn kho	25.3	23.7	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-13.2%
Tài sản dài hạn	**4.68**	**4.87**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.48	4.73	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.20**	**0.14**	**46.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.6	66.9	-3.4%
Nợ ngắn hạn	**64.6**	**66.9**	**-3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.2	43.2	-2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	12.4	10.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11.1**	**11.8**	**-6.0%**
Vốn chủ sở hữu	**11.1**	**11.8**	**-6.0%**
Vốn điều lệ	12.0	12.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)